



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC
LOẠI C NĂM 2022

KẾT QUẢ ĐIỂM THI VÒNG 1 VÀ LỊCH PHÒNG VẤN VÒNG 2
KỲ THI TUYỂN CÔNG CHỨC LOẠI C VÀO LÀM VIỆC TẠI CÁC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
CHI NHÁNH TỈNH, THÀNH PHỐ KHU VỰC TÂY NAM BỘ NĂM 2022

Ghi chú:

Số câu hỏi phần thi Kiến thức chung là 60 câu; Số câu hỏi phần thi Tiếng Anh là 30 câu. Kết quả thi Vòng 1 được xác định theo số câu trả lời đúng cho từng phần thi nói trên, thí sinh nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi tại Vòng 1 được thi tiếp Vòng 2. Theo đó, thí sinh có số câu trả lời đúng từ 30 câu trở lên đối với phần thi Kiến thức chung và từ 15 câu trở lên đối với phần thi Tiếng Anh sẽ tiếp tục dự thi Vòng 2 - Phỏng vấn

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
							Kiến thức chung	Tiếng Anh				
NHNN CHI NHÁNH TỈNH AN GIANG												
1	NV1060	Khuru Minh	Anh		13-04-1997	CVNV	35/60	29/30	Đạt	Bàn 1	Ca 3 từ 13h00 - 15h30	Chủ Nhật, ngày 06/11/2022
2	NV1063	Nguyễn Ngọc	Nhi		24-11-2000	CVNV	37/60	26/30	Đạt			
3	NV1068	Ngô Thị Anh	Thư		07-01-1990	CVNV	33/60	23/30	Đạt			
4	NV1071	Nguyễn Thị Mỹ	Trang		01-01-1989	CVNV	34/60	21/30	Đạt			
5	NV1073	Nguyễn Thanh	Tuấn	08-04-1990		CVNV	35/60	18/30	Đạt			
6	NV1074	Tô Châu Hoàng	Uyên		21-09-1998	CVNV	39/60	22/30	Đạt			
7	NV1077	Tổng Lâm	Vy		26-05-1992	CVNV	41/60	23/30	Đạt			
8	NV1070	Nguyễn Đức	Tiến	19-10-1989		CVNV	36/60	14/30	Không đạt			
9	NV1062	Phạm Ánh	Hương		19-08-1994	CVNV	31/60	13/30	Không đạt			
10	NV1069	Trần Thị Diễm	Thúy		07-02-1987	CVNV	31/60	12/30	Không đạt			

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
							Kiến thức chung	Tiếng Anh				
11	NV1066	Nguyễn Thành	Thắng	09-09-1992		CVNV	28/60	12/30	Không đạt			
12	NV1061	Ngô Thị Thúy	Duy		04-04-2000	CVNV	27/60	17/30	Không đạt			
13	NV1064	Phan Thảo	Phương		07-10-1996	CVNV	22/60	19/30	Không đạt			
14	NV1065	Thái Thị Yến	Phượng		07-11-1997	CVNV			Vắng			
15	NV1067	Trần Thị Kim	Thoa		18-07-1985	CVNV			Vắng			
16	NV1072	Phan Thanh	Trường	01-01-1992		CVNV			Vắng			
17	NV1075	Cao Minh Khoa	Văn		04-06-2000	CVNV			Vắng			
18	NV1076	Huỳnh Vân	Vũ	18-08-1983		CVNV			Vắng			
NHNN CHI NHÁNH TỈNH BẠC LIÊU												
1	NV1081	Khưu	Khởi	27-11-1993		CVNV	41/60	23/30	Đạt	Bàn 1	Ca 1 từ 07h00 - 09h30	Chủ Nhật, ngày 06/11/2022
2	NV1082	Trần Thị Thùy	Linh		25-02-1993	CVNV	38/60	20/30	Đạt			
3	NV1083	Trần Phi	Long	19-08-1998		CVNV	31/60	20/30	Đạt			
4	NV1084	Bành Thị Tuyết	Mai		09-07-1989	CVNV	46/60	26/30	Đạt			
5	NV1087	Trương Lê Kim	Ngọc		16-06-1986	CVNV	44/60	23/30	Đạt			
6	NV1088	Nguyễn Dương Phụng	Nhi		03-05-1996	CVNV	36/60	19/30	Đạt			
7	NV1091	Võ Phương	Thi		27-08-1998	CVNV	31/60	25/30	Đạt			
8	NV1094	Nguyễn Anh	Thư		18-10-1997	CVNV	32/60	20/30	Đạt			
9	NV1095	Phạm Anh	Thư		03-10-1998	CVNV	34/60	20/30	Đạt			
10	NV1097	Dương Thị Mộng	Tuyền		30-11-1983	CVNV	39/60	21/30	Đạt			
11	NV1098	Nguyễn Thị Hồng	Vui		09-11-1994	CVNV	43/60	23/30	Đạt			

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
						Kiến thức chung	Tiếng Anh				
12	NV1085	Trịnh Hoài Nam	01-08-1995		CVNV	35/60	9/30	Không đạt			
13	NV1093	Phạm Thanh Thủy		16-09-1992	CVNV	35/60	14/30	Không đạt			
14	NV1090	Lê Ngọc Tấn	04-03-1994		CVNV	34/60	14/30	Không đạt			
15	NV1079	Phan Tuấn Cường	22-10-1982		CVNV	33/60	8/30	Không đạt			
16	NV1089	Trần Quốc Ninh	01-01-1992		CVNV	30/60	12/30	Không đạt			
17	NV1096	Ngô Hải Tính	12-01-1992		CVNV	30/60	14/30	Không đạt			
18	NV1078	Lâm Phong Cảnh	30-07-1991		CVNV			Vắng			
19	NV1080	Phạm Trường Di	08-07-1991		CVNV			Vắng			
20	NV1086	Tạ Bảo Ngọc		18-12-1992	CVNV			Vắng			
21	NV1092	Cao Cường Chí Thọ	14-01-1998		CVNV			Vắng			
NHNN CHI NHÁNH TỈNH BẾN TRE											
1	NV1099	Lê Đình Bảo	17-12-1993		CVNV	35/60	19/30	Đạt	Bàn 1	Ca 3 từ 13h00 - 15h30	Chủ Nhật, ngày 06/11/2022
2	NV1102	Trần Thị Kim Cung		23-11-1989	CVNV	31/60	19/30	Đạt			
3	NV1103	Trần Thị Hoàng Diệu		13-08-1990	CVNV	50/60	29/30	Đạt			
4	NV1104	Trần Minh Duy	19-07-1991		CVNV	32/60	27/30	Đạt			
5	NV1107	Đình Ngọc Hân		01-03-1999	CVNV	36/60	23/30	Đạt			
6	NV1109	Trần Văn Khánh		10-01-2000	CVNV	39/60	30/30	Đạt			

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
						Kiến thức chung	Tiếng Anh				
7	NV1111	Ngô Thế Lữ	01-06-1993		CVNV	35/60	22/30	Đạt	Bàn 1	Ca 4 từ 15h00 - 17h30	Chủ Nhật, ngày 06/11/2022
8	NV1112	Phạm Mai Bích Ngọc		16-06-1990	CVNV	32/60	16/30	Đạt			
9	NV1113	Phan Thị Phương Ngọc		12-01-1997	CVNV	44/60	25/30	Đạt			
10	NV1115	Trần Thị Thanh Nhân		06-09-1992	CVNV	36/60	17/30	Đạt			
11	NV1116	Ngô Hào Nguyên		28-03-1999	CVNV	37/60	22/30	Đạt			
12	NV1118	Phạm Huỳnh Yến Nhi		02-03-1990	CVNV	39/60	15/30	Đạt			
13	NV1120	Ngô Kim Phụng		08-10-1998	CVNV	30/60	25/30	Đạt			
14	NV1123	Nguyễn Thị Hồng Quế		25-10-1995	CVNV	36/60	21/30	Đạt			
15	NV1125	Lê Thị Thịnh Quyên		30-06-1994	CVNV	39/60	21/30	Đạt			
16	NV1127	Nguyễn Thị Kim Tho		15-05-1989	CVNV	35/60	22/30	Đạt			
17	NV1128	Lê Ngọc Phương Trang		19-10-1993	CVNV	33/60	21/30	Đạt			
18	NV1130	Nguyễn Xuân Trường	06-10-1995		CVNV	44/60	28/30	Đạt			
19	NV1131	Trương Thị Phương Tuyền		17-05-1995	CVNV	41/60	27/30	Đạt			
20	NV1133	Bùi Giang Yên		03-02-1994	CVNV	43/60	22/30	Đạt			
21	NV1100	Tạ Huy Bình	15-04-1991		CVNV	39/60	13/30	Không đạt			
22	NV1132	Tạ Thị Tường Vi		04-01-1997	CVNV	29/60	26/30	Không đạt			
23	NV1117	Nguyễn Nhi		24-07-1998	CVNV	27/60	19/30	Không đạt			
24	NV1114	Võ Trọng Nghị	27-01-1998		CVNV	25/60	13/30	Không đạt			
25	NV1105	Trần Hải Đăng	05-05-1989		CVNV	23/60	0/30	Không đạt			
26	NV1119	Vô Ngọc Phát	03-06-1999		CVNV	23/60	12/30	Không đạt			
27	NV1101	Nguyễn Thị Bảo Châu		04-11-1989	CVNV			Vắng			
28	NV1106	Lê Tấn Đức	12-02-1991		CVNV			Vắng			

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
							Kiến thức chung	Tiếng Anh				
29	NV1108	Trương Thị Thanh	Hương		09-09-2000	CVNV			Vắng			
30	NV1110	Cao Thị Kim	Loan		26-09-1999	CVNV			Vắng			
31	NV1121	Phạm Phi	Phụng		19-12-1993	CVNV			Vắng			
32	NV1122	Phạm Như	Quân	02-04-1992		CVNV			Vắng			
33	NV1124	Nguyễn Thị Phương	Quyên		31-01-1993	CVNV			Vắng			
34	NV1126	Lý Thu	Thảo		22-11-1991	CVNV			Vắng			
35	NV1129	Nguyễn Thị Như	Trúc		14-04-1993	CVNV			Vắng			

NHNN CHI NHÁNH TỈNH CÀ MAU

1	NV1136	Võ Kiều	Diễm		24-8-1989	CVNV	35/60	19/30	Đạt	Bàn 1	Buổi chiều	Thứ Bảy, ngày 05/11/2022
2	NV1137	Phù Quốc	Hiệp	22-6-1994		CVNV	38/60	21/30	Đạt			
3	NV1138	Diệp Thiên	Kỳ	18-3-1999		CVNV	40/60	27/30	Đạt			
4	NV1139	Phan Nguyễn Phương	Lam		04-8-1998	CVNV	34/60	26/30	Đạt			
5	NV1140	Trương Hồng	Lam		25-11-1993	CVNV	35/60	16/30	Đạt			
6	NV1144	Hồ Kim	Ngân		09-11-1988	CVNV	40/60	15/30	Đạt			
7	NV1145	Lâm Bảo	Ngọc		20-3-2000	CVNV	42/60	28/30	Đạt			
8	NV1147	Quách Khả	Như		11-11-1994	CVNV	39/60	20/30	Đạt			
9	NV1148	Nguyễn Thị Huỳnh	Như		25-4-1996	CVNV	36/60	22/30	Đạt			
10	NV1153	Đinh Lê Thảo	Trình		14-10-1997	CVNV	42/60	28/30	Đạt			
11	NV1156	Nguyễn Trí	Tuệ	14-8-1990		CVNV	45/60	19/30	Đạt			
12	NV1157	Nguyễn Hoàng Phương	Vy		19-10-1999	CVNV	44/60	29/30	Đạt			
13	NV1158	Trần Thị Bảo	Yến		28-8-1988	CVNV	41/60	18/30	Đạt			

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
							Kiến thức chung	Tiếng Anh				
14	NV1150	Trần Phương	Thùy		16-6-1991	CVNV	36/60	14/30	Không đạt			
15	NV1141	Trương Vũ	Linh	20-5-1985		CVNV	28/60	12/30	Không đạt			
16	NV1152	Lâm Thị Bích	Thy		26-9-1993	CVNV	27/60	16/30	Không đạt			
17	NV1134	Nguyễn Ngọc	Anh		04-9-1998	CVNV			Vắng			
18	NV1135	Lê Thị Lan	Anh		02-4-1997	CVNV			Vắng			
19	NV1142	Đàm Thị Cẩm	Linh		03-8-1992	CVNV			Vắng			
20	NV1143	Võ Thị Kiều	My		09-01-1996	CVNV			Vắng			
21	NV1146	Vũ Thị Hoàng	Nguyễn		17-10-1987	CVNV			Vắng			
22	NV1149	Huỳnh Văn	Thường	21-11-1999		CVNV			Vắng			
23	NV1151	Quách Thị Mộng	Thùy		10-01-1988	CVNV			Vắng			
24	NV1154	Nguyễn Thành	Trung	03-9-2000		CVNV			Vắng			
25	NV1155	Đỗ Thanh	Tuấn	26-2-1997		CVNV			Vắng			

NHNN CHI NHÁNH TP. CẦN THƠ

1	NV1159	Kiều Ngọc Thiên	Anh		29-12-1995	CVNV	37/60	16/30	Đạt	Bàn 2	Ca 3 từ 13h00 - 15h30	Chủ Nhật, ngày 06/11/2022
2	NV1160	Nguyễn Phương	Cảnh	10-10-1989		CVNV	32/60	19/30	Đạt			
3	NV1161	Huỳnh Kiện	Đình	17-02-1999		CVNV	39/60	26/30	Đạt			
4	NV1162	Đặng Hồng	Hạnh		26-06-1998	CVNV	39/60	25/30	Đạt			
5	NV1163	Bùi Quang	Huy	03-11-2000		CVNV	42/60	25/30	Đạt			
6	NV1164	Lê Hữu	Hung	19-09-1988		CVNV	36/60	19/30	Đạt			
7	NV1166	Võ Yến	Linh		15-03-1989	CVNV	35/60	22/30	Đạt			
8	NV1167	Dương Tú	Loan		17-11-1993	CVNV	49/60	20/30	Đạt			
9	NV1168	Trịnh Thành	Luân	10-11-1989		CVNV	41/60	29/30	Đạt			
10	NV1169	Nguyễn Thị Kim	My		01-01-1991	CVNV	35/60	Miễn	Đạt			

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
							Kiến thức chung	Tiếng Anh				
11	NV1170	Lê Thị Thu	Nga		05-12-1991	CVNV	43/60	23/30	Đạt	Bàn 2	Ca 4 từ 15h00 - 17h30	Chủ Nhật, ngày 06/11/2022
12	NV1171	Huỳnh Kim	Nga		19-07-2000	CVNV	36/60	21/30	Đạt			
13	NV1175	Nguyễn Ngọc Thảo	Nguyên		01-09-1995	CVNV	31/60	23/30	Đạt			
14	NV1176	Đỗ Thị Minh	Nguyệt		24-08-2000	CVNV	32/60	21/30	Đạt			
15	NV1177	Phạm Thị Kiều	Nhi		10-10-1987	CVNV	33/60	18/30	Đạt			
16	NV1178	Lâm Yến	Nhi		01-02-1995	CVNV	42/60	21/30	Đạt			
17	NV1179	Phạm Thụy Bích	Nhiên		18-12-1989	CVNV	35/60	18/30	Đạt			
18	NV1182	Nguyễn Thị Giang	Thanh		30-07-1994	CVNV	40/60	17/30	Đạt			
19	NV1183	Lê Ngọc	Thùy		16-10-1995	CVNV	30/60	22/30	Đạt			
20	NV1184	Từ Nguyễn Anh	Thư		09-10-1989	CVNV	30/60	25/30	Đạt			
21	NV1187	Nguyễn Thành	Vương	29-10-1999		CVNV	39/60	26/30	Đạt			
22	NV1174	Trang Hữu	Nghĩa	12-12-1989		CVNV	34/60	12/30	Không đạt			
23	NV1185	Huỳnh Thị Anh	Thư		18-07-2000	CVNV	33/60	10/30	Không đạt			
24	NV1165	Đặng Thị Trúc	Linh		22-11-1994	CVNV	31/60	14/30	Không đạt			
25	NV1181	Lê Mai Cẩm	Tú		29-08-1991	CVNV	30/60	14/30	Không đạt			
26	NV1173	Nguyễn Thị Kim	Ngân		20-07-1989	CVNV	29/60	Miễn	Không đạt			
27	NV1172	Lý Ái	Ngân		11-05-1998	CVNV			Vắng			
28	NV1180	Lưu Quốc	Tại	22-11-1989		CVNV			Vắng			
29	NV1186	Đỗ Thiện Mỹ	Trinh		24-12-1990	CVNV			Vắng			

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
						Kiến thức chung	Tiếng Anh				
NHNN CHI NHÁNH TỈNH ĐỒNG THÁP											
1	NV1190	Trần Thị Hậu		16-12-1990	CVNV	34/60	18/30	Đạt	Bàn 2	Buổi chiều	Thứ Bảy, ngày 05/11/2022
2	NV1192	Bùi Thị Ngọc Huyền		07-03-1999	CVNV	38/60	18/30	Đạt			
3	NV1193	Võ Hoàng Lâm	25-01-1999		CVNV	30/60	15/30	Đạt			
4	NV1194	Phạm Thanh Lan		09-02-1993	CVNV	31/60	29/30	Đạt			
5	NV1196	Lê Thị Cẩm Loan		20-12-2000	CVNV	40/60	22/30	Đạt			
6	NV1200	Nguyễn Thiên Thanh		17-12-1991	CVNV	33/60	21/30	Đạt			
7	NV1201	Ngô Minh Thùy		10-09-1990	CVNV	41/60	16/30	Đạt			
8	NV1202	Bùi Thị Thùy Trang		28-04-1991	CVNV	38/60	18/30	Đạt			
9	NV1203	Nguyễn Thị Yến		04-05-1994	CVNV	40/60	14/30	Không đạt			
10	NV1191	Ngô Trung Hiếu	02-05-1994		CVNV	26/60	15/30	Không đạt			
11	NV1198	Thái Văn Phú	29-01-1993		CVNV	26/60	7/30	Không đạt			
12	NV1188	Đinh Thị Kim Cúc		09-02-1989	CVNV	22/60	10/30	Không đạt			
13	NV1189	Huỳnh Thị Diễm		29-05-1995	CVNV			Vắng			
14	NV1195	Mai Thị Trúc Linh		03-08-1998	CVNV			Vắng			
15	NV1197	Nguyễn Thị Kim Ngọc		16-07-2000	CVNV			Vắng			
16	NV1199	Khuông Minh Tân	09-06-1992		CVNV			Vắng			

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
							Kiến thức chung	Tiếng Anh				
NHNN CHI NHÁNH TỈNH HẬU GIANG												
1	NV1205	Nguyễn Bảo	Anh	8-10-1993		CVNV	47/60	23/30	Đạt	Bàn 2	Buổi chiều	Thứ Bảy, ngày 05/11/2022
2	NV1207	Trần Thị Thu	Diễm		8-7-1989	CVNV	39/60	27/30	Đạt			
3	NV1210	Trần Phú	Khánh	9-9-1989		CVNV	45/60	24/30	Đạt			
4	NV1211	Trần Thị Diễm	Kiều		12-7-1993	CVNV	34/60	18/30	Đạt			
5	NV1212	Nguyễn Thúy	Kiều		5-1-1993	CVNV	38/60	22/30	Đạt			
6	NV1215	Võ Kim	Ngân		12-12-1993	CVNV	36/60	15/30	Đạt			
7	NV1216	Trần Thị Hồng	Ngọc		28-3-2000	CVNV	34/60	18/30	Đạt			
8	NV1220	Phạm Lan	Thảo		29-5-2000	CVNV	37/60	19/30	Đạt			
9	NV1224	Trần Minh	Trung	8-3-1985		CVNV	33/60	17/30	Đạt			
10	NV1226	Lý Phương	Uyên		23-10-1992	CVNV	43/60	22/30	Đạt			
11	NV1204	Dương Ngọc	Ấn	9-2-1988		CVNV	33/60	13/30	Không đạt			
12	NV1214	Nguyễn Thanh	Nga		20-3-1993	CVNV	29/60	0/30	Không đạt			
13	NV1219	Nguyễn Thị Mỹ	Nhung		28/8/1988	CVNV	29/60	11/30	Không đạt			
14	NV1217	Lâm Huỳnh Yến	Nhi		27-2-1998	CVNV	27/60	22/30	Không đạt			
15	NV1209	Nguyễn Thị Bé	Huyền		2-9-1990	CVNV	25/60	17/30	Không đạt			
16	NV1227	Huỳnh Kim	Vy		16-6-2000	CVNV	21/60	0/30	Không đạt			
17	NV1206	Lâm Trương Tú	Châu		7-12-1999	CVNV			Vắng			
18	NV1208	Phạm Nguyễn Ngọc	Hân		1-1-1999	CVNV			Vắng			
19	NV1213	Võ Thị Hoài	My		12-3-1997	CVNV			Vắng			
20	NV1218	Nguyễn Thị Lệ	Như		25-7-2000	CVNV			Vắng			

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
							Kiến thức chung	Tiếng Anh				
21	NV1221	Nguyễn Chí	Thơm	16-4-1993		CVNV			Vắng			
22	NV1222	Trần Đoàn Anh	Thư		25-11-2000	CVNV			Vắng			
23	NV1223	Phan Thị Bảo	Trân		19-6-1992	CVNV			Vắng			
24	NV1225	Hoàng Thị Thanh	Tân		2-9-1987	CVNV			Vắng			
NHNN CHI NHÁNH TỈNH KIÊN GIANG												
1	NV1228	Nguyễn Thị Thùy	An		12-08-1988	CVNV	38/60	15/30	Đạt	Bàn 1	Ca 2 từ 09h00 - 11h30	Chủ Nhật, ngày 06/11/2022
2	NV1229	Phạm Thế	Anh	18-05-1985		CVNV	46/60	22/30	Đạt			
3	NV1230	Lê Hồng	Anh		23-12-1984	CVNV	39/60	17/30	Đạt			
4	NV1232	Nguyễn Việt	Dũng	08-06-1988		CVNV	37/60	22/30	Đạt			
5	NV1233	Nguyễn Thị Thùy	Dương		10-04-1994	CVNV	36/60	25/30	Đạt			
6	NV1234	Trần Bích	Giang		28-04-1990	CVNV	42/60	Miễn	Đạt			
7	NV1237	Trần Ngọc	Hạnh		09-02-1984	CVNV	40/60	22/30	Đạt			
8	NV1238	Lê Thị	Hiền		03-08-1998	CVNV	34/60	17/30	Đạt			
9	NV1239	Lưu Phương	Huyền		03-04-1993	CVNV	44/60	20/30	Đạt			
10	NV1243	Phan Trần Ánh	Minh		20-02-1994	CVNV	33/60	20/30	Đạt			
11	NV1244	Trần Thị Ngọc	Nhung		07-08-1987	CVNV	34/60	18/30	Đạt			
12	NV1246	Đỗ Thị Thanh	Tâm		23-10-1993	CVNV	39/60	21/30	Đạt			
13	NV1251	Trần Huyền	Trang		14-10-1998	CVNV	38/60	30/30	Đạt			
14	NV1253	Bùi Thị Thúy	Yên		25-06-1992	CVNV	37/60	20/30	Đạt			
15	NV1247	Phan Thành	Tất	29-03-1992		CVNV	40/60	14/30	Không đạt			
16	NV1231	Trần Thụy Ngọc	Ánh		24-09-1989	CVNV	33/60	13/30	Không đạt			
17	NV1236	Trần Thị Thúy	Hằng		23-06-1989	CVNV	32/60	10/30	Không đạt			

5/17

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
							Kiến thức chung	Tiếng Anh				
18	NV1240	Đào Duy	Khánh	22-08-1993		CVNV	31/60	14/30	Không đạt			
19	NV1245	Đỗ Huỳnh Trúc	Phương		27-11-2000	CVNV	30/60	14/30	Không đạt			
20	NV1249	Lâm Như Bích	Thảo		02-05-1992	CVNV	29/60	0/30	Không đạt			
21	NV1235	Lê Thị Mỹ	Hằng		04-07-1991	CVNV	28/60	Miễn	Không đạt			
22	NV1250	Thái Thị Mỹ	Thịnh		05-12-1998	CVNV	28/60	0/30	Không đạt			
23	NV1241	Nguyễn Lê Hà	Linh		03-07-2000	CVNV			Vắng			
24	NV1242	Trần Thị	Mai		16-10-2000	CVNV			Vắng			
25	NV1248	Nguyễn Phương	Thảo		01-07-1993	CVNV			Vắng			
26	NV1252	Lê Thị Hà	Xuyên		22-10-1997	CVNV			Vắng			

NHNN CHI NHÁNH TỈNH SÓC TRĂNG

1	NV1254	Hứa Thị Thùy	Dung		29-12-1997	CVNV	32/60	16/30	Đạt	Bàn 2	Ca 1 từ 07h00 - 09h30	Chủ Nhật, ngày 06/11/2022
2	NV1255	Huỳnh Anh	Đài		21-11-1983	CVNV	35/60	20/30	Đạt			
3	NV1256	Hồ Thị Ngọc	Giào		22-02-1990	CVNV	38/60	26/30	Đạt			
4	NV1258	Lê Thị Bích	Huyền		25-01-1991	CVNV	35/60	15/30	Đạt			
5	NV1259	Trương Châu Tấn	Khoa	30-9-1989		CVNV	35/60	21/30	Đạt			
6	NV1260	Nguyễn Thị Duệ	Linh		15-8-1979	CVNV	35/60	18/30	Đạt			
7	NV1262	Trần Tuyết	Nương		24-10-1991	CVNV	34/60	22/30	Đạt			
8	NV1265	Lê Bảo	Ngọc		01-01-1990	CVNV	31/60	16/30	Đạt			
9	NV1266	Kha Như	Ngọc		6-11-1994	CVNV	40/60	22/30	Đạt			
10	NV1267	Dương Thị Kim	Ngọc		05-9-1993	CVNV	36/60	19/30	Đạt			
11	NV1268	Nguyễn Hoàng Mai	Nguyệt		19-4-2000	CVNV	45/60	19/30	Đạt			
12	NV1269	Chung Triều	Nghi		12-10-2000	CVNV	37/60	24/30	Đạt			
13	NV1270	Phan Trọng	Nghĩa	21-6-1999		CVNV	33/60	15/30	Đạt			

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
							Kiến thức chung	Tiếng Anh				
14	NV1271	Nguyễn Thanh	Phong	12-11-1986		CVNV	36/60	22/30	Đạt	Bàn 2	Ca 2 từ 09h00 - 11h30	Chủ Nhật, ngày 06/11/2022
15	NV1272	Lý Kim	Phượng		07-10-1986	CVNV	37/60	21/30	Đạt			
16	NV1273	Trần Đức Tổ	Quyên		12-02-1993	CVNV	32/60	20/30	Đạt			
17	NV1274	Lâm Sa Rây	Rot		29-9-1993	CVNV	36/60	18/30	Đạt			
18	NV1276	Phan Thị Thanh	Tuyền		28-01-1989	CVNV	38/60	19/30	Đạt			
19	NV1277	Nguyễn Huỳnh Phương	Thảo		22-4-1989	CVNV	35/60	21/30	Đạt			
20	NV1279	Lê Thị Cẩm	Thi		15-4-1996	CVNV	30/60	21/30	Đạt			
21	NV1281	Nguyễn Lê Minh	Thư		21-10-1987	CVNV	46/60	24/30	Đạt			
22	NV1282	Đặng Thị Thanh	Thủy		19-10-1990	CVNV	43/60	Miễn	Đạt			
23	NV1283	Võ Thị Thủy	Trang		18-7-1989	CVNV	40/60	18/30	Đạt			
24	NV1284	Võ Công	Trạng	05-8-1996		CVNV	38/60	23/30	Đạt			
25	NV1285	Đào Thị Tú	Trân		01-11-1991	CVNV	38/60	22/30	Đạt			
26	NV1287	Võ Huỳnh Thanh	Xuân		10-02-1998	CVNV	36/60	24/30	Đạt			
27	NV1263	Ngô Kim	Ngân		04-9-1993	CVNV	35/60	10/30	Không đạt			
28	NV1257	Trương Thị Hồng	Hoa		07-3-1991	CVNV	33/60	13/30	Không đạt			
29	NV1278	Diệp Dương Phương	Thảo		12-11-1996	CVNV	28/60	20/30	Không đạt			
30	NV1280	Lê Thị Ánh	Thư		24-02-2000	CVNV	28/60	11/30	Không đạt			
31	NV1261	Hà Huệ	Mẫn		23-3-1995	CVNV	24/60	25/30	Không đạt			
32	NV1264	Lý Bảo	Ngọc		14-12-2000	CVNV			Vắng			
33	NV1275	Giang Thị Cẩm	Tiên		02-11-1993	CVNV			Vắng			
34	NV1286	Nguyễn Minh	Triết	15-6-1992		CVNV			Vắng			

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
							Kiến thức chung	Tiếng Anh				
	NHNN CHI NHÁNH TỈNH VĨNH LONG											
1	NV1288	Võ Minh	Dũng	21-09-1997		CVNV	44/60	30/30	Đạt	Bàn I	Buổi chiều	Thứ Bảy, ngày 05/11/2022
2	NV1297	Trần Huyền	Nhung		28-07-1994	CVNV	38/60	23/30	Đạt			
3	NV1298	Phạm Văn	Thái	18-09-1986		CVNV	32/60	16/30	Đạt			
4	NV1300	Huỳnh Thiện	Tâm		12-10-1993	CVNV	33/60	23/30	Đạt			
5	NV1301	Huỳnh Ngọc	Trâm		30-08-2000	CVNV	33/60	25/30	Đạt			
7	NV1294	Khuru Bình	Bông	09-09-1988		CVNV	36/60	12/30	Không đạt			
8	NV1295	Nguyễn Thị Diễm	Trinh		24-06-1998	CVNV	35/60	14/30	Không đạt			
9	NV1293	Lê Thị Bích	Hon		29-01-1992	CVNV	29/60	15/30	Không đạt			
10	NV1290	Nguyễn Thị Khánh	Hằng		18-05-1996	CVNV	28/60	16/30	Không đạt			
11	NV1291	Hồ Thị Thanh	Huyền		23-09-1999	CVNV	28/60	16/30	Không đạt			
12	NV1302	Nguyễn Thị Thùy	Trang		30-06-1993	CVNV	26/60	Miễn	Không đạt			
13	NV1299	Trương Thị Ngọc	Giàu		14-09-1990	CVNV	25/60	12/30	Không đạt			
6	NV1289	Phạm Kim	Ngân		06-02-1999	CVNV			Vắng			
14	NV1292	Lê Khải	Anh	11-01-1999		CVNV			Vắng			
15	NV1296	Thạch Thị Trúc	Linh		15-03-1993	CVNV			Vắng			

slp